# HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NGƯỜI HOA Ở MIỀN NAM VIỆT NAM DƯỚI THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA 1955-1975 (QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ)

**TRỊNH THỊ MAI LINH***

Hoạt động giáo dục của người Hoa thực chất là hoạt động của một tổ chức xã hội dưới hình thức văn hóa. Các trường học của người Hoa được hình thành khá sớm ở Việt Nam. Bất cứ nơi nào có người Hoa sinh sống, cũng đều dễ nhận thấy Hội quán và trường học của họ. Mỗi Lý sự hội quán đều có tài sản riêng là các trường học, chùa, bệnh viện, nghĩa trang. Trường học của người Hoa ở Việt Nam gồm các cấp: sơ cấp, tiểu học, trung học. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) sớm nhận ra rằng, việc "Việt hóa người Hoa" căn bản phải thực hiện ở lĩnh vực giáo dục. Do đó, chính quyền đã đề ra các biện pháp lâu dài nhằm quản lí hoạt động giáo dục của người Hoa ở miền Nam Việt Nam. Các biện pháp này của chính quyền Việt Nam Cộng hòa tập trung ở việc đưa các "trường Trung Hoa" trở thành "trường hoàn toàn Việt Nam", học tập theo sách giáo khoa của Việt Nam Cộng hòa ở tất cả các cấp học và loại bỏ ảnh hưởng của Đài Loan đến các trường học của người Hoa ở Việt Nam Cộng hòa.

## 1. Một số biện pháp nhằm quản lí hoạt động giáo dục của người Hoa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa

### *1.1. Giai đoạn 1955-1963*

*Sửa đổi chương trình giảng dạy tại các trường của người Hoa (1956-1957)*

Những động thái đầu tiên của chính quyền VNCH nhằm quản lý các trường của người Hoa bắt đầu từ ngày 16-7-1956, khi Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH yêu cầu Tổng Giám đốc Nha học vụ phải báo cáo về chương trình bậc Tiểu học các trường của người Hoa, giáo dục cho học sinh người Hoa hiểu biết về chế độ Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam và biết bổn phận của ngoại kiều đối với chế độ VNCH. Do vậy, "các trường tiểu học Hoa kiều phải thêm vào chương trình công dân giáo dục mấy lớp trên về Chế độ Cộng Hòa Việt Nam, bổn phận của ngoại kiều đối với nước Việt Nam, những bài này được in ngắn bằng tiếng Việt hoặc tiếng Hán để gửi cho các trường Tiểu học Hoa kiều" (1).

Ngày 30-6-1956, Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH đưa ra những biện pháp nhằm giải quyết ngay những việc liên quan đến

*TS. Trường Đại học Sư phạm Kĩ thuật Tp.Hồ Chí Minh

các "trường Hoa kiều", hoạt động chính trị trong các trường Hoa kiều bị cấm tuyệt đối, trường nào vi phạm sẽ bị đóng cửa ngay. Ví dụ như trường hợp của một trường Hoa kiều ở tỉnh Sóc Trăng, một số ít giáo viên trong trường có ý tuyên truyền cho Cộng sản nên đã bị đóng cửa và những người hoạt động chính trị đã bị bắt; đối với các trường mở trái phép thì sẽ bị phạt tiền hoặc bị đóng cửa, trường hợp trường chỉ được phép mở các lớp tiểu học mà lại mở cả trung học thì sẽ bị phạt tiền, số tiền phạt tăng từ 10.000 đồng lên 1 triệu đồng (2).

*Thực hiện chương trình chuyển tiếp tại các trường của người Hoa (1958-1960)*

Năm 1958, Nha Trung Hoa Sự Vụ (THSV) (3) yêu cầu các Tỉnh trưởng thực hiện những nhiệm vụ sau trong việc quản lí các trường gốc Hoa: "Về đồng phục: Bãi bỏ Đồng từ quân và các phù hiệu bằng Hoa ngữ của học sinh đang mang. Khuyến khích học sinh mặc đồng phục theo học sinh Việt Nam; Về bảng hiệu trường, bảng lớp, các biểu ngữ và bản đồ treo tường, sổ sách… phải làm bằng Việt ngữ. Lúc chuyển tiếp có thể thêm Hoa ngữ, nhưng chữ phải nhỏ hơn; Tất cả học sinh phải nói được tiếng Việt và học thuộc lòng Quốc ca Việt Nam để chào cờ mỗi buổi học" (4). Ngoài ra, Nha THSV còn yêu cầu các tỉnh có trường của người Hoa phải triệt để áp dụng chỉ thị của Bộ Quốc gia Giáo dục về chương trình và giờ dạy Việt ngữ đúng theo *Thông tư số 12.786-GD-TTH/TR* ngày 10-10-1958 của Tổng Giám đốc Trung, Tiểu học và Bình dân Giáo dục.

Để thi hành chính sách giáo dục đồng loạt trên toàn miền Nam Việt Nam đối với nền giáo dục của người Hoa, với mong muốn biến các trường "tư thục Hoa kiều thành tư thục Việt Nam", áp dụng hoàn toàn chương trình Việt Nam, Nha THSV đề nghị Tổng Giám đốc Trung, Tiểu học và Bình dân giáo dục thực hiện những biện pháp: "Ngưng hẳn việc cấp giấy phép cho các trường Hoa kiều tuyển dụng giáo sư cùng giáo viên Hoa kiều dạy Hoa ngữ; Trong công văn gửi cho các trường này nên bỏ hai chữ "Hoa kiều"; Khuyến khích các Hiệu trưởng nên sửa đổi bảng hiệu trường lại là "Trường tư thục Việt Nam" với một tên thuần túy Việt Nam; Buộc các trường trung học đệ nhất cấp đã có giấy phép tạm từ năm 1956 đến cuối niên học 1958-1959 phải cho toàn thể học sinh dự thi văn bằng tiểu học Việt Nam và giao chỉ tiêu số học sinh phải đậu như sau: Lớp đệ nhất: không dưới 20%; Lớp đệ lục: không dưới 25%; Lớp đệ ngũ: không dưới 30%" (5). Những biện pháp này nhằm ngăn chặn việc dạy Việt ngữ cho "có lệ" ở các trường người Hoa trong hai niên học 1956-1957 và 1957-1958. Nếu các trường của người Hoa không đạt tỷ lệ học sinh đậu văn bằng tiểu học Việt Nam như trên, thì sẽ bị rút giấy phép tạm.

Ngoài ra, để đôn đốc việc thi hành chương trình chuyển tiếp tại các trường của người Hoa, trong vòng một tháng (10-1958), Nha THSV đã lần lượt tiếp xúc với các hiệu trưởng trường Hoa kiều ở Đô thành để thông báo cho họ rõ quyết định của chính quyền Sài Gòn là kể từ niên học 1958-1959, các trường Hoa kiều trung học cũng như tiểu học đều được coi là tư thục Việt Nam và chính quyền VNCH đang cho áp dụng một chương trình chuyển tiếp tại các trường này nhằm mục đích đưa các trường này thành "trường hoàn toàn Việt Nam". Đến đầu năm 1959, Nha THSV đề ra một chương trình gồm 5 điểm yêu cầu Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục chuẩn y và ban hành gấp: *thứ nhất*, mở lớp tu nghiệp cho giáo sư và giáo viên Việt Nam dạy ở các trường nêu trên; *thứ hai*, tăng số giờ dạy Việt ngữ trong các trường gốc Hoa; *thứ ba,* thêm môn Hoa ngữ trong chương

trình Trung học đệ nhất cấp Việt Nam do các trường này chỉ dạy Anh ngữ và Pháp ngữ. Học sinh Việt Nam gốc Hoa kiều có thể chọn 2 môn trong 3 môn ngoại ngữ trên; *thứ tư,* bãi bỏ lớp mẫu giáo Hoa kiều. Các trẻ em người Hoa đến tuổi đi mẫu giáo đều vào các trường mẫu giáo Việt Nam. Đối với mẫu giáo tư thục Hoa kiều phải hoàn toàn dùng Việt ngữ tại các trường này kể từ niên học 1959-1960; *thứ năm*, gửi cố vấn đến các trường tư thục dạy học sinh người Hoa (6).

Việc áp dụng chương trình Việt ngữ trên thực chất là chính quyền thực hiện việc chuyển tiếp các trường Hoa kiều thành các trường Việt Nam hoàn toàn; quá trình chuyển tiếp bắt đầu từ niên học 1958-1959 và sẽ kết thúc ở niên học 1961-1962. Sau khi đưa ra chỉ thị trên, Nha THSV tiến hành khảo sát một số trường tư thục dạy học sinh Việt Nam gốc Hoa kiều" ở các tỉnh thì nhận thấy: "bên trong các lớp học, cách trang trí chưa có vẻ là một trường Việt Nam: những bảng lớp, biểu đồ, thời khoá biểu... còn viết toàn bằng Hoa ngữ. Trình độ học sinh về môn Việt ngữ thì rất kém. Giáo viên không trình được những quyển vở mà Quý Nha buộc họ phải có như quyển ghi đầu bài, quyển vở luân chuyển, sổ ghi bài dạy hàng ngày" (7). Để giải quyết tình trạng trên, Nha THSV yêu cầu Tổng Giám đốc trung, tiểu học và Bình dân Giáo dục "chỉ thị cho các Ty Giáo huấn địa phương phải theo dõi một cách chặt chẽ và liên tục việc điều hành của các Tư thục Việt Nam dạy học sinh gốc Hoa kiều trong việc áp dụng chỉ thị của Quý Nha liên quan đến vấn đề Việt Nam hóa các trường ấy" (8).

*Cải tổ và quản trị các trường bang lập của người Hoa (1961-1962)*

Giai đoạn cải tổ các trường tư thục bang lập: Trước khi cải tổ, các bang Hoa kiều ở Sài Gòn-Chợ Lớn có 15 trường: Sài Gòn có 6 trường gồm 2 trường Trung, Tiểu học; 2 trường Tiểu học và 2 trường Sơ cấp; Chợ Lớn có 9 trường gồm 2 trường Trung, Tiêu học; 1 trường Trung học và 6 trường Tiểu học (9). Tại các trường này, học sinh nam và nữ học chung.

Sau khi cải tổ 15 trường trên đây được chính quyền VNCH phân chia lại như sau: Sài Gòn có 6 trường gồm: 1 trường nam Trung, Tiểu học; 1 trường nữ Trung Tiểu học; 2 trường Tiểu học và 2 trường Sơ cấp; Chợ Lớn có 9 trường gồm: 1 trường nam Trung Tiểu học; 1 trường nữ Trung, Tiểu học; 1 trường Trung học và 6 trường Tiểu học (10). Các trường này tập trung lại thành một khối duy nhất, có một ngân sách chung do một Ủy ban quản lí dưới sự kiểm soát chặt chẽ của Ủy ban Quản trị Đô thành. Các trường phải đổi tên lại cho phù hợp với việc cải tổ trên và phải thi hành đúng theo chỉ thị của Bộ Giáo dục về tổ chức, chuyên môn và phải áp dụng đúng đắn chương trình giáo dục hoàn toàn Việt Nam.

Giai đoạn quản trị: Tại phiên họp ngày 8-6-1962, Ủy ban quản trị tài sản Đô thành đã được tăng cường thêm 15 ủy viên chọn trong *Đồng sự hội* cũ của mỗi trường để phụ giúp *Tiểu ban nghiên cứu việc cải tổ trường học*. Sau đó, *Tiểu ban nghiên cứu việc cải tổ trường học* được đổi lại thành *Tiểu ban quản lí các tư thục bang lập*. Đô trưởng Chủ tịch Ủy ban Quản trị tài sản chỉ định 2 chủ tịch và 1 thủ quỹ của Tiểu ban quản lí các tư thục bang lập. Từ ngày 1-7-1962 các tư thục Bang lập của người Hoa ở Đô thành đã lần lượt khai giảng, trong 15 trường trên có 295 lớp và số học sinh là 19.415 (so với năm học trước là 299 lớp và 18.181 học sinh) (11).

*Bán công hóa tại các trường của người Hoa (1962-1963)*

Sau khi chính quyền VNCH cho thi hành *Sắc lệnh số 133-NV* (ngày 10-6-1960),

việc tổ chức tài chính tại các trường tư thục gốc Hoa do các cựu Lý Sự hội quán Trung Hoa và các Bang Á kiều quản trị không còn thuộc quyền của các tư nhân hoặc các Bang. Để việc kiểm soát nền giáo dục tại các trường tư thục gốc Hoa về việc áp dụng chương trình hoàn toàn Việt Nam, Bộ Quốc gia Giáo dục đồng ý cho bán công hóa các trường tư thục gốc Hoa lại các tỉnh Ninh Thuận, Phước Tuy, Định Tường, Tây Ninh, Lâm Đồng, Bình Thuận theo như đề nghị của các Tòa Tỉnh trưởng. Sau đó, việc bán công các trường trên toàn miền Nam Việt Nam được thực hiện một cách phổ biến và trở thành một biện pháp để chính quyền VNCH có kiểm soát các trường của người Hoa chặt chẽ hơn. Ban đầu, việc bán công hóa được thực hiện ở cấp "Tiểu học gốc Hoa" trước, có một Hội đồng quản trị được thành lập để quản lý tư tưởng.

Do tình hình trên, đến ngày 15-12-1962, Nha THSV đề nghị bán công hóa: Các trường thuộc những hiệp hội Hoa kiều; Các trường thuộc các cựu Lý sự hội quán Hoa kiều các tỉnh và đã được Tổng thống VNCH chấp thuận (12).

Tính đến năm 1963, tại Đô thành Sài Gòn có 3 nhóm trường "tư thục gốc Hoa kiều":

Nhóm thứ nhất là trường tư thục của các bang Hoa kiều, có 15 trường. Việc cải tổ và quản trị các trường này được giải quyết bằng cách thiết lập một ủy ban quản lý để điều hành việc của 15 trường, dưới sự kiểm soát của Ủy ban Quản trị tài sản Đô thành;

Nhóm thứ hai là trường tư thục của những hiệp hội Hoa kiều đã giải tán. Do hầu hết các hội viên của Hiệp hội đều đã nhập Việt tịch nên các Hiệp hội Hoa kiều lần lượt được chính quyền cho giải tán. Theo luật lệ quy định, các tài sản của Hiệp hội phải trao lại cho địa phương quản trị. Trong số các tài sản ấy có 8 trường Tiểu học thuộc các Hiệp hội đồng hương Hoa kiều. Những trường này vẫn còn hoạt động, mỗi trường do một ủy ban tư nhân quản trị. Các trường này đã áp dụng chương trình hoàn toàn Việt Nam, nên chính quyền không sáp nhập các trường này vào trường của các bang người Hoa;

Nhóm thứ ba là trường "tư thục gốc Hoa kiều" của tư nhân. Đa phần trường tư thục gốc Hoa kiều ở Đô thành là của tư nhân. Các trường này đều đã áp dụng chương trình Việt Nam và được đặt dưới một quy chế y như các trường tư thục Việt Nam.

Tại các tỉnh: Các bang ở tỉnh chỉ có một trường tiểu học hoặc sơ học của người Hoa. Các trường này vẫn do một ủy ban tư nhân quản trị dưới sự kiểm soát của Ủy ban Quản trị tài sản tỉnh. Trường đã áp dụng chương trình giáo dục Việt Nam và mỗi năm đã có một số học sinh thi đậu bằng tiểu học Việt Nam.

***1.2. Giai đoạn 1963-1975***

Sau một thời gian thực hiện chương trình chuyển tiếp, bắt đầu từ năm học 1958-1959 đến năm học 1961-1962, Bộ Quốc gia Giáo dục VNCH yêu cầu các "trường gốc Hoa kiều" phải dạy chương trình Việt và triệu tập một buổi họp các trường gốc Hoa kiều để giải thích cặn kẽ nguyên tắc áp dụng mới. Cho tới tháng 10-1963, các trường này đã áp dụng chương trình do Bộ Quốc gia Giáo dục đề ra. Các khó khăn chỉ thực sự bắt đầu từ sau sự kiện 1-11-1963, bởi chính sách giáo dục từ năm 1964 trở đi chưa được rõ ràng. Với chủ trương đòi chương trình tự do giáo dục, đã gây bất lợi cho việc kiểm soát các trường tư thục có đông học sinh người Việt gốc Hoa theo học, sách giáo khoa tiếng Hoa còn nhiều và không có tờ báo song ngữ tại Chợ Lớn.

Việc "Việt hóa người Hoa" phải thực hiện căn bản ở lĩnh vực giáo dục, bởi đây là một phương tiện tối ưu để lấy được "tâm tính". Cho nên, tại cuộc họp Liên Bộ ngày 3-10-1969, Tổng thống VNCH quyết định: "tiếp thu 15 trường lớn thuộc các cựu bang

và 8 trường lớn thuộc cựu đồng hương hội; cho thêm Giáo sư của Bộ và dạy tại các trường trên, để tránh tình trạng một người dạy quá nhiều giờ; mở Trung tâm Tu nghiệp để thường xuyên tu nghiệp giáo chức cũ, để họ không còn thời gian để dạy thêm tiếng Trung Hoa; chấp thuận cho tiếng Trung Hoa trở thành sinh ngữ, dạy chính thức, sẽ tránh được tình trạng dạy lén lút" (13).

Đồng thời các biện pháp lâu dài để quản lý các trường của người Hoa cũng được chính quyền Sài Gòn cho thi hành: "hạn chế việc cho phép những người Việt gốc Hoa xin mở trường; buộc các trường do người Việt gốc Hoa làm Giám đốc phải có Hiệu trưởng và ít nhất 51% giáo sư, giáo viên và học sinh là người Việt (với lý do viện dẫn người Việt gốc Hoa khó có thể thông suốt chương trình giáo dục Việt Nam); buộc các giáo sư người Việt gốc Hoa phải hội đủ điều kiện văn hóa như giáo sư người Việt; chương trình học hoàn toàn theo Việt Nam, học bằng tiếng Việt, tiếng Trung Hoa chỉ là một sinh ngữ và số giờ không được quá số tối đa của một sinh ngữ chính trong tuần; học sinh phải mặc đồng phục của học sinh Việt và hàng ngày tất cả giáo sư, giáo viên và học sinh phải chào quốc kỳ và hát quốc ca Việt Nam; đoàn ngũ hóa học sinh thành hiệu đoàn dưới sự hướng dẫn và kiểm soát của cán bộ thanh niên học đường" (14).

Sau cùng, ngày 23-3-1970, Tổng thống VNCH chấp thuận các biện pháp: "đặt các trường thuộc cựu bang hoặc Đồng hương hội thuộc quyền Giám hộ của Bộ Giáo dục và triệt để thi hành việc áp dụng chương trình Việt Nam. Cải biến trường Trung Hoa thành trường hoàn toàn Việt Nam; bắt buộc học sinh bỏ đồng phục hiện hữu và bận đồng phục giống như học sinh Việt Nam; hạn chế nhập cảng sách, báo, phim, đĩa hát Trung Hoa để hạn chế ảnh hưởng từ Trung Hoa đối với các thanh niên người Hoa; phát động chiến dịch truyền bá chữ quốc ngữ trong giới tổ chức khảo chữ. Nếu có thể, bắt buộc người Hoa đến độ tuổi nào đó phải biết đọc biết viết tiếng Việt, quá thời hạn trên có thể cho rút môn bài" (15).

Chính sách đối với nền giáo dục của người Hoa ở miền Nam Việt Nam tập trung chủ yếu ở giai đoạn 1955-1963, để đưa các trường của người Hoa trở thành trường hoàn toàn Việt Nam. Ở giai đoạn 1963-1975, chính sách giáo dục của người Hoa không được các chính phủ chú ý, không liên tục và thiếu kiểm soát.

**2. Hoạt động giáo dục của cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam (1955-1975)**

***2.1. Thi hành việc đổi tên trường của người Hoa ở miền Nam Việt Nam***

Theo nội dung của *Thông tư số 182-GD/PCT/TT* ngày 6-4-1957 của Bộ Quốc gia giáo dục quy định đặt tên các trường, Nha Giám đốc tư thục và Bình dân giáo dục yêu cầu các trường tư thục dạy "học sinh Việt gốc Hoa" tại Sài Gòn đổi tên trường vì một số danh hiệu các trường này dùng không có ý nghĩa về mặt giáo dục. Đến cuối năm 1958, theo một báo cáo của Tòa Thị chính Đà Nẵng, hầu hết học sinh các trường trong tỉnh đã bỏ các phù hiệu Đồng tử quân và ăn mặc theo y phục của học sinh Việt Nam. Về hình thức nhà trường, các bảng hiệu trường, bảng lớp, biểu ngữ, bản đồ đã dần dần được thay thế bằng Việt ngữ. Hầu hết học sinh nói thông thạo tiếng Việt và hát được Quốc ca.

Theo tin của báo Hoa ngữ Đại Hà, ngày 12-1-1959, các trường của người Hoa sau khi được lệnh của chính quyền phải đổi tên trường, từ tên trường tiếng Trung Hoa ra tên trường tiếng Việt Nam đã thi hành rầm rộ. Ví dụ: Tuệ Thành học hiệu đã đổi thành Trung Tiểu học Việt Nam Tư thục Tuệ Thành, Nghĩa An học hiệu (Trường Công

lập Bang Triều Châu) đã đổi thành Trung Tiểu học Việt Nam Tư thục Nghĩa An, Shun Chin học hiệu (Trường Công lập Bang Hẹ) đổi thành Tiểu học Việt Nam Tư thục Song Chánh. Hạn chót phải đổi tên trường là ngày 15-6-1962 (16).

Tuy nhiên, đến cuối năm 1959, các trường tư thục dạy "học sinh Việt Nam gốc Hoa kiều" bên ngoài đã sửa đổi bảng hiệu theo tinh thần mới nhưng bên trong vẫn chưa có vẻ là trường Việt Nam, trình độ học sinh người Hoa về môn Việt ngữ rất kém. Giáo viên các trường này không trình được những hồ sơ mà Nha THSV yêu cầu phải có kể từ niên học 1958-1959 như: sổ ghi đầu bài, sổ luân chuyển, sổ dạy hàng ngày… Vì vậy, Nha THSV đề nghị Tổng Giám đốc Trung, Tiểu học và Bình dân giáo dục Sài Gòn chỉ thị cho các Ty giáo huấn địa phương nên theo dõi chặt chẽ và liên tục việc điều hành các trường tư thục Việt Nam dạy "học sinh Việt gốc Hoa kiều" trong việc áp dụng các chỉ thị liên quan đến việc Việt Nam hóa các trường Hoa kiều, đặc biệt là việc phải triệt để thi hành việc dạy Việt ngữ ở các trường Sơ tiểu, Cao tiểu, Trung học theo số giờ quy định. Ngày 17-2-1959, để xúc tiến mạnh mẽ chính sách giáo dục đối với "học sinh Việt Nam gốc Hoa kiều" và đồng thời để hoàn tất việc thi hành chính sách đối với Hoa kiều, Nha THSV đã yêu cầu các Đô trưởng, Thị trưởng, Tỉnh trưởng: "các trường Trung và Tiểu học trước gọi là Tư thục Hoa kiều nay phải được coi là tư thục Việt Nam dạy trẻ con Việt Nam gốc Hoa kiều" (17).

### *2.2. Thi hành việc dạy Việt ngữ đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam*

Thi hành việc dạy Việt ngữ tại các trường của người Hoa ở miền Nam Việt Nam, Nha THVS yêu cầu các địa phương có các trường của người Hoa phải: "thi hành triệt để việc theo dõi việc dạy Việt ngữ tại các trường người Hoa, khuyến khích học sinh người Hoa thường xuyên nói tiếng Việt trong trường học; thu nhận học sinh Việt Nam gốc Hoa kiều vào các trường Tiểu học Việt Nam; giải thích cho cha mẹ học sinh gốc Hoa kiều hiểu rằng tương lai của con em họ là ở việc học cho tốt môn Việt ngữ, và sau khi đỗ các bằng cấp Việt Nam, những học sinh này sẽ được tiếp tục học ở trường Đại học Việt Nam hoặc nếu muốn có thể đi du học (trong đó có cả Đài Loan) về các chuyên môn, giống như bao du học sinh Việt Nam; khuyến khích những người lớn tuổi nói tiếng Việt Nam và đến học các lớp chống nạn mù chữ Việt ngữ; khuyến khích đọc báo chí và sách vở Việt ngữ" (18). Từ năm 1959 đã có một số học sinh "Việt Nam gốc Hoa kiều" thi bằng tiểu học Việt Nam.

Ngày 12-10-1960, một phái đoàn gồm: Đô trưởng Chủ tịch UBQTTS, Đặc Sài Gòn, Chủ tịch Ủy ban quản lí các trường tư thục bang lập thanh tra 5 trường Trung, Tiểu học Phước Đức, Việt Tú, Đồng Đức, Minh Đức và Khai Sinh để tiếp xúc với các Ban Giám đốc và giáo chức các "trường Việt gốc Hoa kiều". Kết quả thanh tra cho biết: các trường này đều dạy theo chương trình Việt Nam và chỉ dạy 6 giờ Hoa ngữ mỗi tuần (19).

### *2.3. Thi hành việc bán công hóa của người Hoa ở miền Nam Việt Nam*

Các trường của người Hoa nằm trong số phải bán công hóa gồm 15 trường thuộc cựu Lý sự Hội quán Trung Hoa và 8 trường thuộc Hiệp hội Hoa kiều đã giải tán. Tại mỗi trường bán công hoặc bán công hóa, một Hội đồng quản lí được thiết lập để giúp Hiệu trưởng trong việc điều hành trường về phương diện hành chính và tài chính. Hội đồng quản lí được đặt dưới Hội đồng quản trị các trường bán công do Đô trưởng, Tỉnh trưởng hoặc đại diện (Phó Đô trưởng, Quận trưởng) chủ tọa. Trường bán công được tự túc, được hưởng một chế độ tài chính tự trị, gồm những nguồn lợi sau: Tiền học phí do học sinh trả, tiền do các nhà hảo tâm quyên

trợ, tiền trợ cấp của chính phủ. Trước đó, ngày 15-12-1961, Bộ Quốc gia Giáo dục đã cho phép bán công hóa các trường "tư thục gốc Hoa" tại các tỉnh Ninh Thuận, Phước Tuy, Định Tường, Tây Ninh, Lâm Đồng, Bình Thuận. Tại các trường bán công, một Hội đồng quản trị tạm thời được thành lập để quản lí các trường.

Tính đến năm 1967, các trường dạy học sinh "người Việt gốc Hoa" có 35 trường Sơ cấp, 29 trường Tiểu học với 43.000 học sinh; 15 trường Trung học với 9.000 học sinh (20). Trong số trường trên có 15 trường thuộc các bang trước kia nay hưởng quy chế của trường bán công, số còn lại hoạt động với quy chế tư thục.

Ngày 21-5-1970, người Hoa ở miền Nam Việt Nam đề nghị với chính quyền Sài Gòn 4 điểm học chế mới với nền giáo dục của người Hoa ở miền Nam Việt Nam: "*Thứ nhất*, chấp thuận cho các trường Tiểu học Hoa văn được mở thêm các lớp Trung học Đệ nhất cấp Việt Nam với quy chế học đường của chính phủ; *Thứ hai*, yêu cầu chính phủ cho các học sinh Việt gốc Hoa được đặc ân thêm điểm khi tham gia các cuộc thi Trung học trong toàn quốc; Thứ ba, yêu cầu chính phủ chấp thuận cho những thanh niên Việt gốc Hoa thi hành nhiệm vụ quân dịch bắt đầu từ tuổi 19; Thứ tư, yêu cầu chính phủ chấp thuận việc dạy Hoa ngữ giống việc dạy ngoại ngữ" (21).

Theo báo Hoa ngữ Hải Quang phát hành ngày 27-5-1970, trong cuộc tiếp đãi các ký giả tại nhà hàng Đại La Thiên ngày 24-5-1970, do sự giới thiệu của Khoáng Trọng Vinh, Dân biểu Huỳnh Ngọc Anh (Ủy viên Ủy ban Văn hóa Giáo dục và Thanh niên Hạ Nghị Viện) phát biểu ý kiến về vấn đề phát triển giáo dục cho "học sinh Việt Nam gốc Hoa kiều" cho rằng: Tại Chợ Lớn có nhiều trường Trung học Hán văn, nhưng sau khi tốt nghiệp các học sinh này không có nơi tiếp tục học lên. Để giải quyết việt trên, Bộ Giáo dục đã cho triệu tập một phiên họp với đại diện 15 trường công lập Hoa kiều và Khoáng Trọng Vinh ngày 27-6-1970 yêu cầu: "Các trường hạn chế việc dạy Hán văn và giáo sư của các trường này phải có văn bằng chính thức mới được phép dạy; Hoa ngữ cũng như sinh ngữ chỉ được dạy 9 giờ/tuần, tiểu học được dạy 6 giờ/tuần, nhưng phải xin phép trước" (22).

Như vậy, về nguyên tắc, các trường của người Hoa ở giai đoạn 1963-1975 đều dạy theo chương trình Việt, Hoa ngữ có tính cách như một ngoại ngữ, nhưng trong thực tế có đến 3 chương trình được giảng dạy trong các "trường gốc Hoa" đó là: Trung Hoa, Việt và Anh. Trong đó, chương trình Trung Hoa được chú trọng nhiều nhất, đặc biệt là ở bậc Trung học, chương trình này nhằm mục đích chuẩn bị cho học sinh có thể học tiếp sang đại học ở Đài Loan hoặc Hong Kong.

**3. Kết luận**

Đối với trường học của người Hoa, chính quyền VNCH thi hành một chương trình qua bốn giai đoạn nhằm đưa các trường "hoàn toàn Hoa" thành trường "hoàn toàn Việt Nam", đặt dưới sự quản lí của Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam. Các giai đoạn đó là: sửa đổi chương trình trong các trường của người Hoa (1956-1957); thực hiện chương trình chuyển tiếp trong các trường của người Hoa (1958-1960); cải tổ và quản trị các trường Bang lập của người Hoa (1961-1962); bán công hóa các trường của người Hoa (1962-1963). Ở giai đoạn 1955-1963, sự quan tâm của chính quyền trong việc quản lí các trường người Hoa được lên kế hoạch và có sự kiểm tra, đôn đốc đúng mức. Tuy nhiên, sang giai đoạn 1963-1975, chính quyền VNCH không còn dành sự lưu tâm, thiếu kiểm soát đối với các trường học của người Hoa.

Mặc dù chính quyền VNCH nhận thức rất rõ tầm quan trọng của việc cần thiết phải quản lí chặt chẽ các trường học của người Hoa ở miền Nam nhưng so với các biện pháp trên lĩnh vực chính trị và kinh tế thì biện pháp ở lĩnh vực tổ chức xã hội chưa được chính quyền đầu tư đúng với tầm quan trọng của vấn đề. Vì vậy, cũng giống như hầu hết các kết quả mà chính quyền đạt được ở lĩnh vực chính trị và kinh tế thì trên phương diện văn hóa, chính quyền cũng chỉ thành công trên phương diện hành chính. Các trường của người Hoa mặc dù được Việt hóa có tiến trình và theo tiến độ nhưng chỉ mang tính hình thức.

Thực chất của việc đưa các trường của người Hoa đặt dưới sự kiểm soát của chính quyền VNCH thuộc về công việc nội trị của chính quyền, việc các trường của người Hoa chỉ nói ngôn ngữ tiếng Hoa và học chương trình, sách giáo khoa từ Đài Loan đưa sang đã được chính quyền Việt Nam Cộng hòa quyết liệt loại bỏ. Trong toàn bộ chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam trên các lĩnh vực: quốc tịch, kinh tế, tổ chức xã hội, mà trong đó quản lí hoạt động giáo dục của người Hoa thuộc về các hình thức của tổ chức xã hội của người Hoa, đây cũng là biện pháp sau cùng nằm trong chuỗi những biện pháp nhằm quản lí người Hoa của chính quyền Việt Nam Cộng hòa với mục đích giải quyết vấn đề nội trị của chính thể: "vấn đề Hoa kiều".

Việc đưa các "trường Hoa kiều" trở thành "trường hoàn toàn Việt Nam" của chính quyền VNCH (1955-1975) là một chủ trương phù hợp với yêu cầu lịch sử khách quan lúc bấy giờ. Từ năm 1961 trở đi, khi mà người Hoa đã gia nhập quốc tịch Việt Nam và hoàn toàn trở thành công dân Việt Nam với đầy đủ bổn phận và trách nhiệm của một công dân. Các chủ trương của chính quyền VNCH nhằm ứng xử với vấn đề các "trường Hoa kiều" đã góp phần "hợp thức hóa" tiến trình hội nhập của cộng đồng người Hoa ở Việt Nam vào xã hội Việt Nam. Đây là một quá trình hội nhập tự nhiên, tất yếu, là kết quả của một quá trình tiếp biến văn hóa trong đa dạng.

## *CHÚ THÍCH*

(1), (2). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa. (1955-1963). Hồ sơ số 22340, tr.34, tr.42.

(3). Nha Trung Hoa Sự Vụ (THSV): Cơ quan chuyên trách về vấn đề người Hoa dưới thời Việt Nam Cộng hòa, đặt tại Phủ Tổng thống được thành lập ngày 10-9-1956. Nguyễn Văn Vàng được cử làm Đặc ủy THSV tại Phủ Tổng thống kiêm Phó Đô trưởng Sài Gòn để có điều kiện tiếp xúc hàng ngày với người Hoa.

(4), (8), (9), (10), (17). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa (1955-1963). Hồ sơ số 16992, tr.2, 7, 15, 36, 55.

(5). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa (1955-1963), Hồ sơ số 22340, tr.8.

(6). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa (1955-1963), Hồ sơ số 6580, tr.6.

(7). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa (1955-1963). Hồ sơ số 5179, tr.12.

(11), (12). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa (1955-1963). Hồ sơ số 17972, tr.6, 15.

(13). Phông Phủ Thủ tướng (1963-1975). Hồ sơ số 16602, tr.4.

(14), (15), (16). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa. (1955-1963) Hồ sơ số 16602, tr.3, 24, 30.

(18). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa. (1955-1963) Hồ sơ số 6580, tr.3.

(19). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhất Cộng hòa. (1955-1963) Hồ sơ số 17972, tr.7.

(20). Phông Phủ Thủ tướng. (1955-1963). Hồ sơ số 16602, tr.15.

(21), (22). Phông Phủ Tổng thống Đệ Nhị Cộng hòa (1963-1975). Hồ sơ số 4364, tr.7, 21.